

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - BẮC NINH**

Bản án số: **43/2025/DS-ST**

Ngày 22/9/2025

V/v: Tranh chấp Hợp đồng
giao nhận khoán trồng rừng
sản xuất.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3- BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Toàn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thân Văn Bình
2. Ông Dương Ngô Phiên

Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Minh Trang- Thư ký viên Tòa án nhân dân
Khu vực 3- Bắc Ninh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 3 tham gia phiên tòa: Ông
Nguyễn Văn Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân Khu vực
3- Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 107/2025/TLST-DS
ngày 01 tháng 7 năm 2025 (số 67/2025/TLST- DS ngày 16 tháng 6 năm 2025 của
Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang cũ) về việc “Tranh chấp Hợp đồng
giao nhận khoán trồng rừng sản xuất”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:
76/2025/TLST-DS ngày 14 tháng 8 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số
76/2025/QĐST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2025; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* [Công ty TNHH MTV L](#); Địa chỉ trụ sở: [Số E đường X, xã H,
tỉnh Lạng Sơn \(thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn cũ\)](#).

Người đại diện theo pháp luật: Ông [Chu Thanh C](#), sinh năm 1974; Chức vụ:
Giám Đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông [Nguyễn Đức M](#); Chức vụ: [Giám Đốc Lâm
trường Đ](#)- Chi nhánh [Công ty TNHH MTV L](#); Địa chỉ: [Thôn S, xã B, tỉnh Bắc Ninh
\(Tổ dân phố S, thị trấn B, huyện Y, tỉnh Bắc Giang cũ\)](#) (Văn bản ủy quyền số
323a/GUQ-CT-TCHC ngày 15/5/2024)

- *Bị đơn:* Ông [Trần Thế T](#), sinh 1991; Nơi cư trú: [Bản K, X, tỉnh Bắc Ninh
\(xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang cũ\)](#)- Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa liên quan:*

1. Bà Ma Thị N, sinh năm 1989 (vợ ông T); Nơi cư trú: Bản K, X, tỉnh Bắc Ninh- Vắng mặt.

2. Ủy ban nhân dân xã X, tỉnh Bắc Ninh (UBND xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang cũ)- Do ông Nguyễn Ngọc T1- Phó chủ tịch UBND xã X đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền số 369/QĐ-UBND ngày 03/9/2025). Địa chỉ trụ sở: xã X, tỉnh Bắc Ninh- Có đơn xin vắng mặt.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh B (UBND tỉnh B cũ)- Do ông Đào Ngọc Q- Chuyên viên phòng quản lý đất đai, Sở Nông nghiệp và M1 trường đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền số 780/QĐ-UBND ngày 29/8/2025). Địa chỉ Trụ sở: Phường B, tỉnh Bắc Ninh- Có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn (ông Nguyễn Đức M) trình bày:

Ngày 12/6/2019, Lâm trường Đ thuộc Công ty TNHH MTV L có ký Hợp đồng số 03/HĐ-LT/2019 với ông Trần Thế T có địa chỉ thường trú tại bản K, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (Hợp đồng giao khoán đất trồng rừng sản xuất theo chu kỳ kinh doanh Mô hình 3 trên đất Công ty TNHH MTV L, trên địa bàn xã Đ; thực hiện tại lô a7 khoảnh 5, diện tích 0,93 ha). Mức khoán 36,0m³ gỗ cây đứng/ha, sản phẩm khoán hộ ông T phải trả Lâm trường= 36m³ gỗ cây đứng/ha x 0,93 ha= 33,48m³ gỗ cây đứng;

Lô rừng a7 khoảnh 5 thuộc diện tích đất của Lâm trường Đồng Sơn/Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đông Bắc, được UBND tỉnh B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Quyết định 1003/QĐ-CT, GCN QSDĐ số K592198 cấp ngày 15/8/1998.

Ngày 27/11/2020 Công ty TNHH L được UBND tỉnh B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Quyết định số 1086/QĐ-UBND ngày 27/11/2020 quyết định về việc cho Công ty TNHH L chuyển hình thức từ hình thức giao đất không thu tiền sử dụng đất sang thuê đất (đợt 1) đối với diện tích đất đã được Nhà nước giao quản lý, sử dụng qua các thời kỳ và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DB 418500 thuộc thửa đất số 1, tờ bản đồ số 128.

Lô rừng a7 khoảnh 5, diện tích 0,93 ha, ông Trần Thế T ký hợp đồng với Đ thuộc diện tích đất của Công ty TNHH MTV L1 được UBND tỉnh B cho thuê theo Quyết định 1086/QĐ-UBND ngày 27/11/2020 và đã được cấp GCN QSDĐ số DB 418500 thuộc thửa đất số 1 tờ bản đồ số 128.

Từ ngày 01 tháng 04 năm 2024 ông [Trần Thế T](#) tự ý khai thác lô rừng, lấy hết sản phẩm gỗ không nộp trả sản phẩm khoán của Lâm trường và chiếm diện tích đất sau khai thác của [Lâm trường Đ](#) thuộc [Công ty TNHH L](#). Mặc dù [Lâm trường Đ](#) đã rất nhiều lần làm việc với hộ ông [T](#) và đã đề nghị [UBND xã Đ](#) (nay là [xã X](#)) hỗ trợ mời ông [T](#) đến trụ sở để giải quyết nhưng hộ ông [T](#) không chấp hành, cố tình lấy hết sản phẩm khoán và chiếm đất để tái sinh cây chồi trên đất của Lâm trường.

Giá trị về lô đất là: 65.100.000 đồng (*Bằng chữ: Sáu mươi lăm triệu, một trăm nghìn đồng chẵn.*

Giá trị sản phẩm khoán phải nộp trả Lâm trường theo hợp đồng là: $0,93 \text{ ha} \times 36,0 \text{ m}^3/\text{ha} \times 1.050.000 \text{ đồng/m}^3 \times 0,93 \text{ ha} = 35.154.000 \text{ đồng}$. Hộ ông [T](#) chưa nhận đầu tư tạo rừng của Lâm trường là 7.486.500 đồng. Số tiền còn phải nộp trả Lâm trường là 27.667.500 đồng (*Bằng chữ: Hai mươi bảy triệu hai trăm sáu mươi bảy nghìn, năm trăm đồng*).

Đơn giá áp dụng theo Quyết định số 115/QĐ-CT-LN, ngày 18/06/2024 của Công ty TNHH MTV L, về việc Ban hành đơn giá thu hồi sản phẩm gỗ áp dụng trong thanh lý thu hồi vốn rừng trồng khoán hộ (MH3);

- Tổng giá trị = 92.767.500 đồng (Chín mươi hai triệu, bảy trăm sáu mươi bảy nghìn, năm trăm đồng), gồm: Tiền sản phẩm gỗ phải trả Lâm trường: 27.667.500 đồng. Tiền giá trị lô đất: 65.100.000 đồng.

Việc ông [Trần Thế T](#) tự ý khai thác sau đó chiếm đất của Lâm trường đã vi phạm khoản f, h, i mục 5.1 Điều 5 của hợp đồng.

Tài liệu, bằng chứng có liên quan đến hợp đồng và thửa đất nêu trên:

- Quyết định số 175/UB ngày 18/3/1987 của [UBND tỉnh H](#) về việc giao đất, giao rừng cho liên hiệp các xí nghiệp gỗ trụ mỏ quản lý, đầu tư sản xuất kinh doanh;
- Quyết định số 177/QĐ-UB ngày 23/3/1987 của [UBND tỉnh H](#), về việc giao đất, giao rừng cho liên hiệp các xí nghiệp gỗ trụ mỏ quản lý, đầu tư sản xuất kinh doanh;
- Quyết định số 1003/QĐ-CT ngày 15/8/1998 của Chủ tịch [UBND tỉnh B](#) về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Lâm trường [Đ](#).
- Quyết định số 1086/QĐ-UBND ngày 27/11/2020 của [UBND tỉnh B](#) về việc cho [Công ty TNHH L](#) chuyển hình thức từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang thuê đất (đợt 1) đối với diện tích đất đã được Nhà nước giao quản lý, sử dụng qua các thời kỳ.

Lô rừng trên thuộc diện tích đất của [Lâm trường Đ](#), được UBND tỉnh cấp Giấy CNQSD đất theo Quyết định số 1003/QĐ-CT, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 592198, cấp ngày 15/8/1998 và đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DB 418500 do [UBND tỉnh B](#) cấp ngày 25/8/2021 cho [Công ty TNHH L](#), thuộc thửa số 1, tờ bản đồ số 128 theo Quyết định số 1086/QĐ-UBND ngày 27/11/2020 của [UBND tỉnh B](#).

Sau khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất qua các thời kỳ, [Lâm trường Đ](#) đã thực hiện việc trồng rừng ổn định nhiều chu kỳ.

Ngày 01/4/2024, [Lâm trường Đ](#) đến hiện trường khai thác để kiểm tra. Sau khi kiểm tra thực tế hiện trạng lô rừng đang có 04 người bốc gỗ lên xe ô tô, diện tích đã khai thác khoảng 0.35ha, những người khai thác gỗ trình bày là người làm thuê cho ông [T](#).

Ngày 02/4/2024 [Lâm trường Đ](#) có Thông báo số 47 về việc đình chỉ khai thác, vận chuyển trái phép gỗ rừng trồng sản xuất đối với ông [Trần Thế T](#), nhưng ông [T](#) không chấp hành.

Ngày 19/4/2024, [Lâm trường Đ](#) đến gia đình ông [T](#) làm việc về việc ông [T](#) tự ý khai thác gỗ rừng khoán hộ chưa trả sản phẩm nộp khoán, nhưng ông [T](#) không có mặt ở nhà, ông [T2](#) là bố của ông [T](#) có mặt đã được nghe biên bản làm việc nhưng không ký biên bản.

Vì vậy, [Công ty TNHH L](#) có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Công nhận diện tích 0,93ha đất rừng tại lô a7 khoảnh 5, [đội Đ, Lâm trường Đ](#) quản lý, thuộc quyền sử dụng của [Công ty TNHH MTV L](#).

- Yêu cầu tuyên chấm dứt hợp đồng số 03/HĐ-LT/2019 lý ngày 12/6/2019 tại lô a7 khoảnh 5, diện tích 0,93ha và giải quyết hậu quả pháp lý của việc chấm dứt hợp đồng.

- Yêu cầu buộc ông [Trần Thế T](#) chặt toàn bộ số cây trồng trên đất, trả cho [Công ty TNHH MTV L1 trường L1](#) diện tích 0,93ha đất rừng tại lô a7 khoảnh 5, thuộc [đội Đ, Lâm trường Đ](#) quản lý.

- Yêu cầu ông [Trần Thế T](#) trả tiền sản phẩm khoán cho [Công ty TNHH MTV L](#) theo hợp đồng là: 27.667.500đ (Hai mươi bảy triệu sáu trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

Ngày 13 tháng 8 năm 2025, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân Khu vực 3- Bắc Ninh giải quyết:

- Đề nghị tuyên chấm dứt hợp đồng: số 03/HĐ-LT/2019 ký ngày 12 tháng 06 năm 2019 tại lô a7 khoảnh 5 diện tích 0,93 ha và giải quyết hậu quả pháp lý của việc chấm dứt hợp đồng:

+ Buộc ông [Trần Thế T](#) chặt toàn bộ số cây trồng (mọc chồi) trên đất, trả [Công ty TNHH MTV L1 trường L1](#) diện tích 0,93 ha đất rừng tại lô a7 khoảnh 5, thuộc [đội Đồng Tiến - Lâm trường Đ](#) quản lý.

+ Buộc ông [Trần Thế T](#) trả [Công ty TNHH MTV L1](#) Bắc/Lâm [trường L1](#) tiền sản phẩm khoán 27.667.500 đồng.

Đối với yêu cầu: Công nhận diện tích 0,93ha đất rừng tại lô a7 khoảnh 5, [đội Đ, Lâm trường Đ](#) quản lý, thuộc quyền sử dụng của [Công ty TNHH MTV L](#). Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn xác định lô đất đã được [UBND tỉnh B](#) cấp Giấy CNQSD đất số DB 418500 cấp ngày 25/8/2021 cho [Công ty TNHH L](#), thuộc thửa

số 1, tờ bản đồ số 128 theo Quyết định số 1086/QĐ-UBND ngày 27/11/2020 của [UBND tỉnh B](#). Vì vậy, [Công ty TNHH L](#) thay đổi yêu cầu khởi kiện ban đầu, không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện này.

- Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (ông [Trần Thế T](#), bà [Ma Thị N](#)): Không gửi ý kiến, văn bản đến Tòa án, vì vậy không có ý kiến, quan điểm gì lưu trong hồ sơ.

- Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ([UBND xã X](#)) trình bày:

Lô a7 khoảnh 5, diện tích 0,93 ha, ông [Trần Thế T](#) ký hợp đồng với [Lâm trường Đ](#) không thuộc diện tích đất [UBND tỉnh B](#) thu hồi theo Quyết định số 39/QĐ-UBND, ngày 14/4/2010.

Lô a7 khoảnh 5, diện tích 0,93 ha, ông [Trần Thế T](#) ký hợp đồng với [Lâm trường Đ](#) thuộc diện tích đất của [Công ty TNHH MTV L1](#) được [UBND tỉnh B](#) cho thuê theo Quyết định số 1086/QĐ-UBND ngày 27/11/2020 và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DB 418500 thuộc thửa đất số 1, tờ bản đồ số 128.

Như vậy, quyền quản lý và sử dụng đất thuộc [Công ty TNHH MTV L](#).

- Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ([UBND tỉnh B](#)) trình bày: Qua xem xét hồ sơ cho thấy, quy trình ban hành Quyết định số 1086/QĐ-UBND ngày 27/11/2020 của [UBND tỉnh B](#) là đảm bảo chặt chẽ, đúng quy định của pháp luật.

- Ngày 28/7/2025, Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản đối với diện tích 0,93ha đất rừng tại lô a7, khoảnh 5; địa chỉ: [Bản K, xã X, tỉnh Bắc Ninh \(Bản K, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang cũ\)](#):

Lô đất có các mặt tiếp giáp: Phía Bắc giáp với lô đất a5, khoảnh 5 của [Công ty L](#) do ông [Trần Danh B](#) quản lý; Phía Đông giáp với lô đất B17, khoảnh 5; Phía Nam giáp với đường vận chuyển; Phía Tây giáp với lô i32;

Trên đất có các cây bạch đàn (bạch đàn chồi), đường kính thân cây 4,0cm, chiều cao từ 4,0m, mật độ cây: 2000 cây/1ha.

Giá đất rừng: 12.000đ/1m²; diện tích đo thực tế là 11844,5m² x 12.000đ= 142.134.000đ.

Cây bạch đàn (chồi), đường kính thân cây 3,5cm, chiều cao từ 3,0m, mật độ cây: 2.000 cây/1ha; giá cây: 38.000đ/1 cây. Tính theo diện 11844,5m² là 2.369 cây; giá trị là 2.369 cây x 38.000đ= 90.022.000đ (Chín mươi triệu không trăm hai mươi hai nghìn đồng).

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3- Bắc Ninh phát biểu ý kiến, việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã đảm bảo đúng theo quy định; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án cơ bản đúng quy định của của Bộ luật tố tụng dân sự; đối

với bị đơn là ông [Trần Thế T](#), người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: bà bà [Ma Thi N](#) không chấp hành theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 3 Điều 147; Điều 157; Điều 165; khoản 1 Điều 244, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 275; khoản 1 Điều 422; các Điều: 504, 505, 507, 508, 512, khoản 2 Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự; Điều 135, Điều 188; Điều 167 của Luật đất đai; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của [Công ty TNHH MTV L](#).

Tuyên bố chấm dứt Hợp đồng số 03/HĐ-LT/2019 ký ngày 12/6/2019 giữa Lâm trường [Đ](#) thuộc [Công ty TNHH MTV L](#) với ông [Trần Thế T](#), địa chỉ: [Bản K, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang \(nay là Bản K, xã X, tỉnh Bắc Ninh\)](#) tại lô a7, khoảnh 5, diện tích 0,93ha (đo thực tế là 11844,5m²); địa chỉ lô đất: [Bản K, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang \(nay là xã X, tỉnh Bắc Ninh\)](#).

Buộc ông [Trần Thế T](#) phải có nghĩa vụ trả sản phẩm khoán cho [Công ty TNHH MTV L](#) theo hợp đồng số 03/HĐ-LT/2019 ký ngày 12/6/2019, số tiền là 27.667.500đ.

Buộc ông [Trần Thế T](#) và bà [Ma Thi N](#) phải có nghĩa vụ thu hoạch, chặt bỏ toàn bộ số cây bạch đàn (cây chổi) mà ông [T](#) đã tự ý để mọc chổi trên lô đất a5, gồm 2.369 cây bạch đàn chổi, trả [Công ty TNHH MTV L](#) tổng diện tích đất trồng rừng là 0,93ha (đo thực tế là 11844,5m²) tại lô a7, khoảnh 5, do [đội Đồng Tiến - Lâm trường Đ](#) quản lý (đã được đo đạc thẩm định ngày 28/7/2025); lô a7 nằm trong tổng diện tích đất đã được [UBND tỉnh B](#) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 25/8/2021, thửa đất số 1, tờ bản đồ số 128; Địa chỉ thửa đất: [xã X, tỉnh Bắc Ninh \(xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang cũ\)](#); cấp cho [Công ty TNHH L](#); số GCNQSD đất: DB 418500; vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS0 1868/Q03; Vào sổ địa chính trang số 104; Quyền số 41; theo Quyết định số 1086/QĐ-UBND ngày 27/11/2020 của [UBND tỉnh B](#).

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Ông [Trần Thế T](#) phải thanh toán trả cho [Công ty TNHH MTV L](#) toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Ông [Trần Thế T](#), phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch và phải chịu 1.383.400đ tiền án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ trả tiền cho [Công ty TNHH L](#).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa; đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ 2. Căn cứ vào Điều 277, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

Căn cứ đơn khởi kiện của [Công ty TNHH L](#) đây xác định là quan hệ tranh chấp “Tranh chấp Hợp đồng giao nhận khoán trồng rừng sản xuất”, quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ tranh chấp:

[2].1. Xét yêu cầu của [Công ty TNHH L](#) yêu cầu Tòa án giải quyết: Tuyên chấm dứt Hợp đồng số 03/HĐ-LT/2019 ký ngày 12/6/2019 giữa Lâm trường [Đ](#) thuộc [Công ty TNHH MTV L](#) với ông [Trần Thế T](#), địa chỉ: [Bản K, xã X, huyện Y, tỉnh Bắc Giang](#) tại lô a7, khoảnh 5, diện tích 0,93ha (đo thực tế là 11844,5m²) và giải quyết hậu quả pháp lý của việc chấm dứt hợp đồng, trả sản phẩm khoán cho [Công ty L](#) theo hợp đồng là: 27.667.500đ (Hai mươi bảy triệu sáu trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm đồng), thấy rằng:

Người đại diện hợp pháp của [Công ty TNHH L](#) xác định hai bên có ký kết Hợp đồng giao nhận khoán số 03/HĐ-LT/2019 ký ngày 12/6/2019 tại lô a7, khoảnh 5, diện tích 0,93ha (đo thực tế là 11844,5m²), thời hạn thực hiện hợp đồng là 7 năm (giai đoạn từ năm 2019) với mức khoán 36,0m³/1ha: lô a7, khoảnh 5, diện tích 10,93 ha x 36,0 m³/ha x 1.050.000 đồng/m³ = 35.154.000 đồng. Hộ ông [T](#) chưa nhận tiền đầu tư tạo rừng của Lâm trường 7.486.500 đồng; số tiền còn phải nộp 27.667.500 đồng (*Bằng chữ: Hai mươi bảy triệu hai trăm sáu mươi bảy nghìn, năm trăm đồng*). Tại Hợp đồng giao nhận khoán số 03/HĐ-LT/2019 ngày 12/6/2019 do [Công ty TNHH L](#) giao nộp kèm theo đơn khởi kiện thể hiện ông [Trần Thế T](#) là người trực tiếp ký hợp đồng số 03/HĐ-LT/2019 với [Lâm trường Đ](#). Tại Biên bản kiểm tra ngày 01/4/2024 của [Lâm trường Đ](#) xác định ông [Trần Thế T](#) đã tự ý khai thác gỗ mà không thông báo, không nộp sản phẩm khoán cho Lâm trường [Đ](#), diện tích khai thác không 0,35ha. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án ông [T](#) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án để làm việc, không gửi văn bản, ý kiến gì đến Tòa án. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định về những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh thì tình tiết “một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”. Vì vậy, xác định việc giữa ông [T](#) và [Lâm trường Đ](#) ký kết Hợp đồng giao nhận khoán số 03/HĐ-LT/2019 ký ngày 12/6/2019 tại lô a7, khoảnh 5, diện tích 0,93ha (đo thực tế là 11844,5m²), thời hạn thực hiện hợp đồng là 7 năm (giai đoạn từ năm 2019) với mức khoán 36,0m³/1ha: lô a7, khoảnh 5, diện tích 10,93 ha x 36,0 m³/ha x 1.050.000 đồng/m³ = 35.154.000 đồng là có căn cứ. Hộ ông [T](#) chưa nhận

tiền đầu tư tạo rừng của Lâm trường 7.486.500 đồng; số tiền còn phải nộp 27.667.500 đồng (Bằng chữ: Hai mươi bảy triệu, sáu trăm sáu mươi bảy nghìn, năm trăm đồng).

Thời hạn của hợp đồng là 07 năm (từ năm 2019), trong hợp đồng không ghi thời gian kết thúc của hợp đồng. Tuy nhiên, từ ngày 01/4/2024 ông T tự ý khai thác lô rừng mà chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Lâm trường Đ, lấy hết sản phẩm gỗ không nộp trả sản phẩm khoán cho Công ty L là vi phạm điểm h khoản 5.1 Điều 5 của Hợp đồng. Công ty TNHH MTV L xác định đến năm 2025 là ngày hết hạn của hợp đồng nhưng ông T không có đơn gửi đến Lâm trường Đ đề nghị tiếp tục được nhận khoán lô đất nhưng vẫn không chịu trả lại đất cho Công ty L, đã vi phạm vào điểm i khoản 5.1 Điều 5 của Hợp đồng. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH L đề nghị tuyên chấm dứt Hợp đồng số 03/HĐ-LT/2019 ký ngày 12/6/2019 giữa Lâm trường Đ thuộc Công ty TNHH MTV L với ông Trần Thế T là có căn cứ, cần được chấp nhận.

Đến nay ông T vẫn chưa thanh toán trả sản phẩm khoán kinh doanh trồng rừng cho Lâm trường Đ. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện này của Công ty TNHH L là có căn cứ, cần buộc ông Trần Thế T phải có trách nhiệm thanh toán trả Công ty TNHH L số tiền 27.667.500 đồng (Bằng chữ: Hai mươi bảy triệu sáu trăm sáu mươi bảy nghìn, năm trăm đồng) theo hợp đồng nêu trên.

[2].2. Xét yêu cầu của Công ty TNHH L yêu cầu Tòa án giải quyết: Trần Thế T chặt toàn bộ số cây trồng (mọc chồi) trên đất, trả Công ty TNHH MTV L1 trường L1 diện tích 0,93ha đất rừng tại lô a7, khoảnh 5, thuộc đội Đồng Tiến - Lâm trường Đ quản lý, thấy rằng:

Ngày 27/11/2020 Công ty TNHH một thành viên L1 được UBND tỉnh B cấp GCNQSD đất theo Quyết định số 1086/QĐ-UBND tỉnh B quyết định về việc cho Công ty TNHH một thành viên L chuyển hình thức từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang thuê đất đối với diện tích đất đã được Nhà nước giao quản lý, sử dụng qua các thời kỳ, diện tích đất rừng sản xuất tại xã Đ là: 3.501.730,0m², gồm 08 thửa thuộc 05 tờ bản đồ.

UBND tỉnh B có quan điểm, xác định quy trình ban hành Quyết định số 1086/QĐ-UBND ngày 27/11/2020 của UBND tỉnh B là đảm bảo chặt chẽ, đúng quy định của pháp luật.

Công ty L xác định: Sau khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất qua các thời kỳ, Lâm trường Đ đã thực hiện việc trồng rừng ổn định nhiều chu kỳ. Ngày 12/6/2019, Lâm trường ký Hợp đồng số 03/HĐ-LT/2019 với ông Trần Thế T, về việc giao nhận khoán sử dụng đất và đầu tư vốn trồng rừng sản xuất thực hiện tại lô a7 khoảnh 5, diện tích 0,93ha. Tuy nhiên, từ ngày 01/4/2024 ông T tự ý khai thác lô rừng, lấy hết sản phẩm gỗ không nộp trả sản phẩm khoán và chiếm diện tích đất sau khi thác của Lâm trường Đ thuộc Công ty TNHH MTV L nên đã phát sinh tranh chấp.

Từ các tài liệu chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để xác định diện tích 0,93ha đất rừng tại lô a7, khoảnh 5, thuộc [đội Đồng Tiến - Lâm trường Đ](#) quản lý (đã được đo đạc thẩm định ngày 28/7/2025- diện tích đo thực tế là 11844,5m²) thuộc quyền quản lý và sử dụng của [Công ty TNHH một thành viên L](#) theo Quyết định số 1086/QĐ-UBND ngày 27/11/2020 của [UBND tỉnh B](#) về việc cho [Công ty TNHH L](#) chuyển hình thức từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang thuê đất (đợt 1) đối với diện tích đất đã được Nhà nước giao quản lý, sử dụng qua các thời kỳ; tại thửa đất số 1, tờ bản đồ số 128; Địa chỉ thửa đất: [xã X, tỉnh Bắc Ninh \(xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang cũ\)](#), được [UBND tỉnh B](#) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 25/8/2021; cấp cho [Công ty TNHH L](#); số GCNQSD đất: DB 418500; vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 01843/Q03. Vào sổ địa chính trang số 104; Quyền số 41.

Giữa [Công ty TNHH L](#) và ông [T](#) đã ký hợp đồng trồng rừng số 03/HĐ-LT/2019 ngày 12/6/2019, sau khi tự ý khai thác gỗ năm 2024 và hết hạn của hợp đồng giao nhận khoán trồng rừng tại Hợp đồng giao nhận khoán ông [T](#) không tiếp tục ký hợp đồng trồng rừng (chu kỳ tiếp theo) với [Công ty TNHH L](#) nữa. Tuy nhiên, ông [T](#) vẫn tự ý chiếm giữ lô đất nêu trên của [Công ty TNHH L](#) để tạo chồi bạch đàn phát triển, cụ thể: Tại lô a7 có 2369 cây bạch đàn chồi (tại thời điểm định giá 28/7/2025), không tự nguyện trả lại cho [Công ty TNHH L](#) lô đất nêu trên là vi phạm vào điểm i khoản 5.1 Điều 5 của Hợp đồng, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của [Công ty TNHH L](#). Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của [Công ty TNHH L](#) là có căn cứ, cần buộc ông [Trần Thế T](#) phải có nghĩa vụ thu hoạch, chặt bỏ toàn bộ số cây bạch đàn mà gia đình ông [T](#) đã tự ý cho mọc chồi trên lô đất nêu trên để trả lại mặt bằng toàn bộ diện tích lô đất a7 khoảnh 5 cho [Công ty TNHH L](#); buộc ông [Trần Thế T](#) phải có trách nhiệm giao trả lại cho [Công ty TNHH L](#) tổng diện tích đất trồng rừng là 0,93ha (đo thực tế là 11844,5m²) tại lô a7, khoảnh 5, diện tích đo thực tế là 11844,5m² (đã được [Công ty TNHH Một thành viên T3](#) thẩm định ngày 28/7/2025). Tuy nhiên, bà [Ma Thị N](#) và ông [Trần Thế T](#) là quan hệ vợ chồng, theo quy định tại Điều 27, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình thì bà [N](#) và ông [T](#) cùng phải có nghĩa vụ thu hoạch, chặt bỏ toàn bộ số cây bạch đàn mà gia đình ông [T](#) đã tự ý cho mọc chồi trên lô đất nêu trên để trả lại mặt bằng toàn bộ diện tích lô đất a7 khoảnh 5 cho [Công ty TNHH L](#).

[2].3. Xét việc [Công ty TNHH L](#) thay đổi yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với yêu cầu: Công nhận diện tích 0,93ha đất rừng lô a7, khoảnh 5, [đội Đ, Lâm trường Đ](#) quản lý, thuộc quyền sử dụng của [Công ty TNHH L](#) là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, vì vậy không xem xét giải quyết trong bản án này.

[3]. Về chi phí tố tụng: Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, [Công ty TNHH L](#) đã ứng chi để Tòa án tiến hành thành lập Hội đồng thẩm định, định giá

đất và tài sản trên phần đất có tranh chấp hết số tiền 11.159.000đ (Mười một triệu một trăm lăm mươi chín nghìn đồng). Nay yêu cầu khởi kiện của [Công ty TNHH L](#) được chấp nhận. [Công ty TNHH L](#) yêu cầu ông [Trần Thế T](#) phải thanh toán trả tiền tạm ứng chi phí tố tụng cho Công ty, xét là phù hợp với quy định tại Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy cần buộc ông [Trần Thế T](#) phải thanh toán trả cho [Công ty TNHH L](#) toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 11.159.000đ (Mười một triệu một trăm lăm mươi chín nghìn đồng).

[4]. Về án phí: Yêu cầu của [Công ty TNHH L](#) được chấp nhận, vì vậy [Công ty TNHH L](#) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; ông [Trần Thế T](#) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 157; Điều 165; Điều 227; Điều 228; khoản 1 Điều 244, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 275; khoản 1 Điều 422; Điều 428; các Điều: 504, 505, 507, 508, 512, khoản 2 Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự; Điều 135, khoản 3 Điều 188; Điều 167 của Luật đất đai; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của [Công ty TNHH MTV L](#).

Tuyên bố chấm dứt Hợp đồng số 03/HĐ-LT/2019 ký ngày 12/6/2019 giữa Lâm trường [Đ](#) thuộc [Công ty TNHH MTV L](#) với ông [Trần Thế T](#), địa chỉ: [Bản K, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang \(nay là Bản K, xã X, tỉnh Bắc Ninh\)](#) tại lô a7, khoảnh 5, diện tích 0,93ha (đo thực tế là 11844,5m²); địa chỉ lô đất: [Bản K, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang \(nay là xã X, tỉnh Bắc Ninh\)](#);

Buộc ông [Trần Thế T](#) phải có nghĩa vụ trả sản phẩm khoán cho [Công ty TNHH MTV L](#) theo hợp đồng số 03/HĐ-LT/2019 ký ngày 12/6/2019, số tiền là 27.667.500đ (Hai mươi bảy triệu sáu trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm đồng);

Buộc ông [Trần Thế T](#) và bà [Ma Thị N](#) phải có nghĩa vụ thu hoạch, chặt bỏ toàn bộ số cây bạch đàn (cây chổi) mà ông [T](#) đã tự ý để mọc chổi trên lô đất a7, gồm 2.369 cây bạch đàn chổi, trả [Công ty TNHH MTV L](#) tổng diện tích đất trồng rừng là 0,93ha (đo thực tế là 11844,5m²) tại lô a7, khoảnh 5, do [đội Đồng Tiến - Lâm trường Đ](#) quản lý (đã được đo đạc thẩm định ngày 28/7/2025); lô a7 nằm trong tổng diện tích đất đã được [UBND tỉnh B](#) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 25/8/2021, thửa đất số 1, tờ bản đồ số 128; Địa chỉ thửa đất: [xã X, tỉnh Bắc Ninh \(xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang cũ\)](#); cấp cho [Công ty TNHH L](#); số GCNQSD đất: DB

418500; vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS0 1868/Q03; Vào sổ địa chính trang số 104; Quyền số 41; theo Quyết định số 1086/QĐ-UBND ngày 27/11/2020 của [UBND tỉnh B](#) về việc cho [Công ty TNHH L](#) chuyển hình thức từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang thuê đất (đợt 1) đối với diện tích đất đã được Nhà nước giao quản lý, sử dụng qua các thời kỳ; lô đất a5 có diện tích, kích thước các cạnh, các điểm tiếp giáp cụ thể được xác định như tại bản “Trích đo địa chính, hiện trạng” do [Công ty TNHH một thành viên T3](#) đo đạc ngày 28/7/2025 (Có sơ đồ kèm theo); cụ thể có các điểm tiếp giáp cụ thể như sau: Điểm 1+2= 38,48m; 2+ 3= 40,49m; 3+ 4= 89,34m; 4+5= 28,31m; 5+6= 18,35m; 6+7= 40,35m; 7+8= 13,10m; 8+9= 18,94m; 9+10= 21,22m; 10+11= 29,09m; 11+12= 14,20m; 12+13= 22,40m; 13+14= 48,92m; 14+1= 58,72m.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Ông [Trần Thế T](#) phải thanh toán trả cho [Công ty TNHH MTV L](#) toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ theo quy định của pháp luật là 11.159.000đ (Mười một triệu một trăm lăm mươi chín nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí: Ông [Trần Thế T](#), phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch và phải chịu 1.383.400đ (Một triệu ba trăm tám mươi ba nghìn bốn trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ trả tiền cho [Công ty TNHH L](#). Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho [Công ty TNHH L](#) số tiền 1.591.000đ (Một triệu năm trăm chín mươi một nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002045 ngày 11/6/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án vắng mặt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND Khu vực 3;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- THADS tỉnh Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử
Tòa án Tối cao;
- Lưu HS.

Nguyễn Xuân Toàn